|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN**TRƯỜNG TH NGUYỄN BÌNH** **–––––––––––––––––––––––** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––** |

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai các khoản thu năm học 2019-2020**

–––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––

**Thời gian:** V*ào hồi 16 giờ ngày 19 tháng 09 năm 2019*

*Tại văn phòng trườngTiểu học Nguyễn Bình*

Thành phần gồm:

1. Nguyễn Thị Phương Hoa - Hiệu trưởng

 2. Hoàng Thị Hằng - Phó hiệu trưởng, CT Công đoàn

 3.Lê Thị Hiếu - Thanh tra nhân dân

 4. Trần Thị Hải - Tổ trưởng CM 1-2-3

 5. Bùi Thị Thu Hảo - Tổ trưởng CM 4-5

 6. Lê Thị Thu Hương - Thư ký HĐGD

 7. Lê Thị Yên - Kế toán

8. Ông Nguyễn Xuân Tíu: -Chức vụ: Trưởng ban ĐDCMHS

Cùng tiến hành họp thông qua hội đồng để lấy ý kiến thống nhất công khai niêm yết các khoản thu trong năm học 2019-2020 nh­ư sau:

 **Nôi dung:**

Công khai kết quả thẩm định số 572/TB-PGD ĐT ngày 18/09/2019 về việc thực hiện kế hoạch số 69/KH-THNB ngày 16/09/2019 của trường TH Nguyễn Bình các khoản thu năm học 2019-2020.

Đồng chí Nguyễn Thị Phương Hoa chủ tọa thông qua Thực hiện công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020;

Thực hiện hướng dẫn liên ngành số 2356/HD-LN ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở GD&ĐT-Sở tài chính- Sở y tế- Bảo hiểm XH tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện công văn số 301/BXHX-BPT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở Bảo hiểm XH thị xã Quảng Yên;

- Quyết định số 3615/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2020; hướng dẫn số 55/SGDĐT – GDCN & DGTX ngày 07/01/2016 về việc hướng dẫn quản lý hoạt động giảng dạy ngoại ngữ của người nước ngoài tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh từ năm học 2015 – 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

* Thực hiện hướng dẫn số 1636/SGDĐT-GDTX ngày 14/7/2014 của SGD&ĐT và Quyết định số 2303/QĐ-SGD&ĐT ngày 07 tháng 09 năm 2017 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc tiếp tục cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho công ty TNHH Awaken.

- Thực hiện theo đề án “Chương trình giảng dạy Kỹ năng sống ngoài giờ lên lớp cho học sinh Tiểu học” của Trung tâm đào tạo Kỹ năng sống Awakenđã được Sở GD&ĐT Quảng Ninh phê duyệt.

2. Sau khi họp bàn và đi đến thống nhất, trường Tiểu học Nguyễn Bình tổ chức tiến hành công khai biên bản bằng hình thức niêm yết tại bảng tin của nhà trường, trên trang điện tử và văn phòng nhà trường (kèm theo báo cáo chi tiết).

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 19 tháng 9 năm 2019, sẽ kết thúc việc niêm yết vào ngày 19 tháng 10 năm 2019.

 Việc niêm yết được thực hiện liên tục theo đúng thời gian quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 10h00’ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN** **BCH CÔNG ĐOÀN****Hoàng Thị Hằng**  | **HIỆU TRƯỞNG THƯ KÝ****Nguyễn T Phương Hoa Lê Thị Thu Hương** |
| **ĐẠI DIỆN** **BAN THANH TRA NHÂN DÂN****Lê Thị Hiếu**  | **ĐẠI DIỆN CÁC TỔ** **Trần Thị Hải Bùi Thị Thu Hảo** |

céng hßa x· héi chñ nghÜa viÖt nam

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**b¸o c¸o c«ng khai kÕ HO¹CH THU, CHI**

**N¡M HäC 2019-2020**

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thực hiện công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020;

Thực hiện hướng dẫn liên ngành số 2356/HD-LN ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở GD&ĐT-Sở tài chính- Sở y tế- Bảo hiểm XH tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện công văn số 301/BXHX-BPT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở Bảo hiểm XH thị xã Quảng Yên;

- Quyết định số 3615/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2020; hướng dẫn số 55/SGDĐT – GDCN & DGTX ngày 07/01/2016 về việc hướng dẫn quản lý hoạt động giảng dạy ngoại ngữ của người nước ngoài tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh từ năm học 2015 – 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

* Thực hiện hướng dẫn số 1636/SGDĐT-GDTX ngày 14/7/2014 của SGD&ĐT và Quyết định số 2303/QĐ-SGD&ĐT ngày 07 tháng 09 năm 2017 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc tiếp tục cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho công ty TNHH Awaken.

- Thực hiện theo đề án “Chương trình giảng dạy Kỹ năng sống ngoài giờ lên lớp cho học sinh Tiểu học” của Trung tâm đào tạo Kỹ năng sống Awakenđã được Sở GD&ĐT Quảng Ninh phê duyệt.

Trường tiểu học Nguyễn Bình lập báo cáo các khoản thu - chi các khoản thu trong năm học 2019-2020 với các nội dung như sau:

**I. Khoản thu theo quy định: Bảo hiểm y tế**

Thực hiện hướng dẫn liên ngành số 2356/HD-LN ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở GD&ĐT-Sở tài chính- Sở y tế- Bảo hiểm XH tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện công văn số 301/BXHX-BPT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở Bảo hiểm XH thị xã Quảng Yên;

NĐ số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018, Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ tài chính, Công văn số 682/UBND-VX3 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 31/10/2018 về việc nâng mức hỗ trợ đóng BHYT đối với học sinh thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình.

**-** Thời hạn sử dụng thẻ BHYT: 01/10/2019 đến 31/12/2019 và

 01/01/2020 đến 31/12/2020

**1. Mức thu: =4.5 mức lương cơ sở x số tháng tương ứng với thời hạn của thẻ**

***\* HS lớp 1***: Căn cứ vào ngày tháng năm sinh của học sinh thu cụ thể như sau:

 *- Học sinh thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, mức đóng BHYT 01 học sinh/năm như sau:*

Mức thu: 201.150đ (15 tháng); 187.740 đ (14 tháng); 174.330 đ (13 tháng); 160.920 đ ( 12 tháng).

*-* *Học sinh không thuộc đối tượng trên:*

Mức thu: 704.025 đ (15 tháng); 657.090 đ (14 tháng); 610.155 đ (13 tháng).

***\* HS các khối lớp còn lại*** : (khối 2+3+4+5) đóng 12 tháng là**: 563.220đ**

**2*.* Phương án thu:**

- Đối với khối 1 thu 2 lần trong năm:

 + Tháng 9/2019: ( Thu đối với HS khối 1 cấp thẻ sử dụng năm 2019)

 + Tháng 12/2019: ( Thu Khối 1 mua thẻ BHYT năm 2020).

- Đối với khối lớp còn lại: Thu một lần (cuối tháng 11 mua BHYT năm 2020).

**II/ Khoản thu theo thỏa thuận**

***1. Tiền nước uống:*** *Học sinh học 2 buổi/ngày*

- Sĩ số học sinh năm học 2019-2020: 632 học sinh.

- Tổng số lượng nước tiêu thụ trong năm học 2018-2019: 34.000 lít/ 604

- Dự kiến số lượng nước tiêu thụ năm học 2019-2020 như sau:

- Do trường dạy học 2 buổi/ ngày nên lượng nước tiêu thụ cụ thể như sau:

+ Số lượng nước tiêu thụ của 01 học sinh uống trong 1 tháng:

0,33 lít/hs/ngày x 22 ngày/tháng = 7, 26 lít/tháng/học sinh

 + Số lượng nước tiêu thụ trong năm học của cả trường:

7.26 lít/tháng/hs x 632 hs x 9 tháng = 41.295 lít (tương ứng là: 2.185 bình)

*Số tiền trả cho bên cung cấp nước:*

*2.184* bình x 22.000 đ/bình = 48.070.000 đồng

*Tiền thuê người quản lý và vận chuyển nước:*

300.000 đ/tháng x 9 tháng x 2 người = 5.400.000 đồng

*Tiền mua ca, cốc, khay đựng cốc, dầu rửa cốc…*

19 lớp x 200.000 đ/lớp = 3.800.000 đồng

Cộng số tiền chi cho khoản phục vụ nước uống toàn trường là: 56.104.000đồng

Chia bình quân trên một HS: 57.270.000 đồng : 632 hs = 90.617 đồng/hs

**Như vậy, định mức thu tiền nước uống 1 học sinh là: 90.000đồng /hs/năm học**

Phương án thu:

+ Thu HKI: 10.000 đ/hs/tháng x 04 tháng = 40.000 đ

+ Thu HKII: 10.000 đ/hs/tháng x 05 tháng = 50.000 đ

**2. Tiền học Tiếng Anh Phonics cho khối lớp 1,2:**

Thực hiện theo đề án đã được phê duyệt, nhà trường chỉ thực hiện trên tinh thần tự nguyện của cha mẹ học sinh.

Hợp đồng với Công ty cổ phần phát triển giáo dục Việt Nam VPBOX tại địa chỉ P307 nhà D5 tập thể Giảng Võ - quận Ba Đình - TP Hà Nội.

\* Mức thu: 70.000đ/hs/tháng

\* Tổng số học sinh: 250 hs x 70.000đ/hs/tháng = 17.500.000 đ

\* Dự kiến chi như sau:

 - Chi 73%/tổng thu cho Công ty cổ phần phát triển giáo dục Việt Nam VPBOX: **12.775.000 đ**

 - Chi 27%/tổng thu cho hoạt động tại trường: **4.725.000 đ**, trong đó:

 + Chi cho giáo viên CN : 09 người x 47.000đ/giờ x 1.5 giờ x 4 tuần/ tháng = 2.538.000 đ

 + Chi cho quản lý của trường: 02 người x 47.000đ/giờ x 1,5 giờ x 4 tuần / tháng = 564.000 đ

 + Chi cho KT, TQ : 02 người x 35.00đ/giờ x 1.5 giờ x4 tuần/ tháng = 420.000 đ

 + Chi vệ sinh phòng học = 300.000đ/tháng

 + Chi tiền điện sáng = 200.000đ

 + Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn trang trí- tranh ảnh... công tác thi, VPP: 703.000 đ.

Phương án thu: Thu theo tháng hoặc theo học kỳ.

**3. Tiền học Tiếng Anh với người nước ngoài: Khối 1,2, 3, 4, 5**

-Thực hiện theo CV số 2350/SGD ĐT-KHTC ngày 29/08/2017 V/v hướng dẫn quản lý tài chính hoạt động tổ chức dạy tăng cường kỹ năng nghe nói ngoại ngữ có sự tham gia của người nước ngoài cho học sinh trong các cơ sở giáo dục**.**

- Quyết định số 3615/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2020; hướng dẫn số 55/SGDĐT – GDCN & DGTX ngày 07/01/2016 về việc hướng dẫn quản lý hoạt động giảng dạy ngoại ngữ của người nước ngoài tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh từ năm học 2015 – 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

- Thực hiện theo đề án “Làm quen với Tiếng Anh cho học sinh lớp 1, 2 và tăng cường kĩ năng nghe nói Tiếng Anh cho học sinh lớp 3, 4, 5 có sự tham gia của người nước ngoài” của Trung tâm ngoại ngữ B- Gates Hạ Long*(Có hồ sơ pháp lý kèm theo).*

**-** Học phí thu: 30.000đ/hs/tiết x 04 tiết/tháng = 120.000đ/tháng/hs (đã bao gồm thuế 10%).

 \* Dự kiến thu- chi như sau: (Dự kiến 150 hs)

 - Mức thu: 120.000đ/hs/tháng (đã bao gồm thuế 10%) x 150 hs = 18.000.000 đ

 + Chi 84 %/tổng thu cho Trung tâm ngoại ngữ B- Gates: **15.120.000 đ**

 + Chi 16%/tổng thu cho hoạt động tại trường: 2.880.000 đ

 Trong đó:

Chi cho giáo viên trợ giảng : 05 người x 47.000đ/giờ/tuần x 4 tuần = 940.000 đ

Chi cho giáo viên CN : 5 người x 47.000đ/giờ/tuần x 4 tuần = 940.000 đ

Chi cho quản lý : 02 người x 47.700đ/giờ/tuần x 4 tuần = 376.000

Chi cho KT, TQ : 02 người x 35.00đ/giờ/tuần x 4 tuần = 280.000đ

Chi vệ sinh phòng học = 300.000đ/tháng

Chi hỗ trợ VPP, các hoạt động chuyên môn: 44.000 đ

- Phương án thu: Thu theo tháng thực tế hs học.

**4. Tiền học giáo dục kĩ năng sống ngoài giờ chính khóa**

* Tiếp tục thực hiện hướng dẫn số 1636/SGDĐT-GDTX ngày 14/7/2014 của SGD&ĐT và Quyết định số 2303/QĐ-SGD&ĐT ngày 07 tháng 09 năm 2017 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc tiếp tục cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho công ty TNHH Awaken.

- Thực hiện theo đề án “Chương trình giảng dạy Kỹ năng sống ngoài giờ lên lớp cho học sinh Tiểu học” của Trung tâm đào tạo Kỹ năng sống Awakenđã được Sở GD&ĐT Quảng Ninh phê duyệt.

\* Đối tượng là học sinh từ lớp 1 đến lớp 5.

 \* Dự kiến thu- chi như sau: (Dự kiến 485 hs)

 - Mức thu: 60.000đ/hs/tháng (đã bao gồm thuế 10%) :

 60.000đ/hs x 485 hs x = 29.100.000 đ

 - Chi 60%/tổng thu cho Trung tâm Awaken: **17.460.000đ**

 - Chi 40%/tổng thu cho hoạt động tại trường: **11.640.000đ**

 Trong đó:

 + Chi cho giáo viên trực tiếp giáng dạy ngoài giờ chính khóa:

 19 người x 47.000 đ/giờ/tuần x 4 tuần = 3.572.000 đ

 + Chi cho giáo viên CN ngoài giờ chính khóa:

 19 người x 47.000 đ/giờ/tuần x 4 tuần = 3.572.000 đ

 + Chi cho quản lý của trường: 02 người x 47.000/giờ/tuần x 2 giờ/ tuần x 4 tuần = 752.000 đ.

 + Chi cho KT, TQ : 02 người x 35.000đ/giờ/tuần x 4 tuần = 280.000 đ

 + Chi vệ sinh phòng học = 380.000 đ

 + Chi tiền điện sáng = 300.000đ

 +Chi tiền nước uống: 500.000 đ

 + Sửa chữa trang thiết bị phòng học: 500.000 đ

 + Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn: 1.784.000 đ

- Phương án thu: Thu theo tháng thực tế hs học.

**5. Tiền chi phí hoạt động vệ sinh chung**

 **+** Chi tiền lao công dọn vệ sinh lớp học, dọn công trình vệ sinh chung:

 02 lao công x 1.700.000 đ/ người x 12 tháng = 40.800.000 đ

 + Chi tiền giấy vệ sinh:

Giấy vệ sinh: 1 lố x 22 ngày/ tháng x 9 tháng = 198 lố giấy.

 198 lố giấy x 65.000/ lố = 12.870.000 đồng

 + Chi tiền xà phòng rửa tay.

02 bánh/ ngày x 22 ngày x 9 tháng=396 bánh x 15.000/bánh = 5.940.000 đồng

 Tổng chi thuê lao công, giấy vệ sinh, xà phòng: 59.610.000 đồng

 Chia bình quân trên một HS: 59.610.000 đồng : 632 hs = 94.319 đồng/hs.

**Như vậy, định mức thu tiền chi phí hoạt động vệ sinh chung 1 học sinh là: 90.000đồng /hs/năm học** *(Thu không đủ chi)*

**III.** **Thu hộ theo thỏa thuận phục vụ HS ăn bán trú: (**Dự kiến 197 học sinh)

**1. Tiền ăn:**

**\**Mức thu tiền*** ***ăn***: ***18.000 đ/ngày/HS*** (1 bữa chính và 1 bữa phụ).

***\*Phương án thu***: Hàng tháng căn cứ số ngày đi học của học sinh đầu tháng tạm thu tiền ăn, cuối tháng quyết toán tiền ăn của học sinh theo số ngày chấm ăn thực tế của HS.

**2. Tiền chất đốt:** Căn cứ vào giá ga thực tế trên thị trường tháng 8/2019 (Hãng ga Petrolimex), Căn cứ mức tiêu thụ chất đốt năm học 2018-2019, trung bình một tháng trong năm học 2018-2019 sử dụng hết 8 bình ga loại 12 kg/ bình ( Cả van ngang hoặc van đứng).

 Tổng tiền ga trong tháng: 8 bình x 390.000đ/bình = 3.120.000 đ

 Bình quân một ngày sẽ chi phí tiền ga là:

3.120.000 đ/tháng : 16 ngày/tháng = 195.000 đ

 Bình quân một ngày ăn của một học sinh sẽ chi phí tiền ga là:

 195.000 : 197 HS/ngày = 1.000đ/ngày/HS

 **\**Mức thu tiền chất đốt: 1.000 đồng/học sinh/ngày***

 ***\*Phương án thu***: Hàng tháng căn cứ số ngày đi học của học sinh đầu tháng tạm thu tiền chất đốt, cuối tháng quyết toán tiền chất đốt của từng học sinh theo số ngày chấm ăn thực tế của học sinh.

**3. Tiền thuê người nấu ăn bán trú**:

 Số người nấu ăn cho HS: 197 học sinh : 50 HS/người nấu = 4 người nấu

 Căn cứ theo Nghị định số 157/2018/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng, dự kiến kinh phí thuê nấu ăn là: 4 người nấu x 3.250.000/người nấu = 13.000.000đ

 Bình quân một HS chi phí thuê người nấu ăn bán trú tại trường là:

13.000.000đ : 197 HS = 65.990 /học sinh

***\*Mức thu tiền thuê công nấu ăn: 66.000 đồng/học sinh/tháng***.

 ***\*Phương án thu***: Thu theo tháng thực học của học sinh.

**4. Tiền quản lý trông trưa và tổ chức ăn bán trú:**

 - Được tính theo làm thêm giờ cho quản lý, giáo viên, nhân viên trực tiếp tham gia trực trưa cho học sinh ăn bán trú. Số giờ thanh toán cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý thực hiện công tác trực trưa cho học sinh ăn và ngủ theo thực tế. Căn cứ số học sinh đăng ký ăn bán trú, tiền bồi dưỡng cho người tham gia công tác trực trưa, cho học sinh ăn bán trú dự toán như sau:

Tổng cộng có 197 HS ăn bán trú chia làm 06 phòng ăn.

- Chi cho giáo viên: 6 GV x 47.000đ/giờ x 3 giờ/ngày x 16ngày/tháng =13.536.000/tháng

- Chi cho quản lý: 01người x 47.000đ /giờ x 3 giờ/ngày x 16ngày/tháng = 2.256.000 đ/tháng

- Chi cho Y tế: 01 người x 35.000đ/giờ x 3 giờ/ngày x 16 ngày/tháng = 1.680.000đ/tháng

- Chi cho Kế toán: 01 người x 35.000đ /giờ x 10 giờ/tháng = 350.000đ/tháng

- Chi cho thủ quỹ: 01 người x 35.000đ /giờ x 10 giờ/tháng = 350.000đ/tháng

 **Cộng: 18.172.000 /tháng**

- Chia bình quân trên một HS: 18.172.000 đ/tháng : 197 hs = 92.243 đồng/hs/tháng*.*

 ***\*Mức thu tiền quản lý trông trưa và tổ chức ăn bán trú: 92.000đ/học sinh/tháng.***

***\*Phương án thu***: Thu theo tháng thực học của học sinh.

**5. Tiền điện , nước sinh hoạt phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa:**

a. Tiền điện :

 - 06 quạt/phòng x 8 phòng x 0,08 KW/giờ x 3 giờ/ngày x 16 ngày/tháng x 1.948đ/KW = 359.055 đ.

- Bóng điện

8 bóng x 8 phòng x 0.06 KW/giờ x 2giờ x 16 ngày/tháng x 1.948đ/KW = 239.370 đ .

**Tổng số tiền điện phục vụ học sinh bán trú:**

359.055 + 239.370 = 598.425 đ/tháng

Chia bình quân trên 1 HS: 598.425 /tháng : 197 hs = 3.038đ /hs/tháng.

b. Tiền nước sinh hoạt phục vụ nấu ăn và vệ sinh cho học sinh bán trú:

Bình quân mỗi ngày sử dụng hết 3,5 m3 x 16 ngày/ tháng x 13.216 đ/ m3= 740.000 đồng.

Chia bình quân trên 1 HS: 740.000/tháng : 197 hs = 4.000 đồng/hs/tháng

***\*Mức thu tiền điện, nước sinh hoạt phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa: 7.000đ/hs/tháng***

***\*Phương án thu***: Thu theo tháng thực học của học sinh.

**6.****Tiền mua sắm vật dụng tiêu hao phục vụ bán trú:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 | Nước rửa bát (can 3 lít) | Can | 3 | 120.000 | 360.000 |
| 2 | Sắt đánh nồi | Cái | 4 | 5.000 | 20.000 |
| 3 | Găng tay cao su | Đôi | 4 | 25.000 | 100.000 |
| 4 | Găng tay ni lông | Hộp | 6 | 25.000 | 150.000 |
| 5 | Lưới rửa bát | Cái | 8 | 5.000 | 40.000 |
| 6 | Khăn lau tay | cái | 5 | 20.000 | 100.000 |
| 7 | Cây lau nhà | Cái | 2 | 120.000 | 240.000 |
| 8 | Nước lau sàn | Can | 2 | 120.000 | 240.000 |
| 9 | Nước rửa tay( HS) | Lọ | 3 | 35.000 | 105.000 |
| 10 | Bàn chải  | Cái | 2 | 10.000 | 20.000 |
| 11 | Gáo nhựa | Cái | 1 | 20.000 | 20.000 |
| 12 | Xà phòng (1kg) | Gói | 2 | 75.000 | 150.000 |
| 13 | Giấy vệ sinh | Lố | 4 | 65.000 | 260.000 |
| 14 | Giấy ăn  | Bịch | 5 | 50.000 | 250.000 |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  | **2.055.000** |

- Chia bình quân trên 1 HS 2.055.000đ : 197 hs = 10.431đ/hs/tháng.

***\* Mức thu tiền mua sắm vật dụng tiêu hao phục vụ bán trú: 10.000 d/ Hs/ tháng***

***\*Phương án thu***: Thu theo tháng thực học của học sinh.

**7. Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú lần đầu:**

Số lượng học sinh tham gia bán trú lần đầu: 64 học sinh;

Nhu cầu bổ sung dụng cụ, vật dụng dùng chung phục vụ bán trú như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 | Bếp ga công nghiệp | Cái | 1 | 1.500.000 | 1.500.000 |
| 2 | Chảo gang rán | Cái | 1 | 450.000 | 450.000 |
| 3 | Chảo nhôm xào  | Cái | 1 | 300.000 | 300.000 |
|  4 | Rổ nhựa đựng gối  | Cái | 12 | 80.000 | 960.000 |
|  5 | Bàn nhựa ăn cơm | Cái | 10 | 145.000 | 1.450.000 |
|  6 | Ghế ăn  | Cái | 64 | 20.000 | 1.160.000 |
|  7 | Thớt gỗ phi 30 | Cái | 1 | 350.000 | 350.000 |
|  8 | Thớt vuông thái chín | Cái | 1 | 250.000 | 250.000 |
|  9 | Rổ nhựa | Cái | 2 | 60.000 | 120.000 |
|  10 | Rá nhôm vo gạo | Cái | 4 | 100.000 | 400.000 |
|  11 | Dao thái | Cái | 1 | 80.000 | 80.000 |
|  12 | Dao chặt | Cái | 1 | 150.000 | 150.000 |
|  13 | Dao gọt mướp | Cái | 2 | 20.000 | 40.000 |
|  14 | Kéo cắt thức ăn | Cái | 1 | 40.000 | 40.000 |
|  15 | Chậu to | Cái | 1 | 120.000 | 120.000 |
|  16 | Xô nhựa | Cái | 1 | 70.000 | 70.000 |
|  17 | Muôi lỗ + bàn sản | Cái | 2 | 70.000 | 140.000 |
|  18 | Đũa nấu | Đôi | 4 | 2.500 | 10.000 |
|  19 | Muôi nấu | Cái | 1 | 50.000 | 50.000 |
|  20 | Muôi chia cơm, canh | Cái | 4 | 20.000 | 80.000 |
|  21 | Lược chải tóc | Cái | 6 | 10.000 | 60.000 |
|  22 | Thảm chùi chân | Cái | 6 | 25.000 | 150.000 |
|  23 | Lưu mẫu thức ăn | Bộ | 2 | 120.000 | 240.000 |
|  24 | Chăn mùa thu | Cái | 18 | 250.000 | 4.500.000 |
| 25 | Gáo Nốc  | Cái | 02 | 90.000 | 180.000 |
|  | **Cộng chi**  |  |  |  | **12.850.000** |

- Chia bình quân trên một học sinh: 12.850.000 : 64 hs = 201.000 đ/hs/năm học.

***\*Mức thu tiền mua* mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú lần đầu: *200.000đ/hs/năm học.***

***\*Phương án thu***: Thu 1 lần đầu năm học của học sinh tham gia ăn bán trú lần đầu.

**IV. Kinh phí hoạt động của hội cha mẹ học sinh:**

 Được thực hiện theo quy định trong khoản 1, Điều 10 của Điều lệ Ban đại diện CMHS tại Thông tư 55/2011/BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kinh phí của Ban ĐDCMHS trường được trích từ kinh phí hoạt động của Ban ĐDCMHS các lớp và được dự kiến chi như sau:

 **1. Chi thưởng cho học sinh**

 **\* Học sinh đạt thành tích trong học tập và rèn luyện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức thưởng** |
| ***1*** |  ***Thưởng danh hiệu tập thể các lớp***  |  |
| a | Lớp xuất sắc tiêu biểu:  | 200.000 đ /lớp |
| b | Lớp xuất sắc:  | 150.000 đ/lớp |
| c | Lớp tiên tiến: | 100.000 đ /lớp |
| ***2*** |  ***Thưởng cá nhân HS:***  |  |
| a | HS có thành tích Xuất sắc trong học tập và rèn luyện  | 6 quyển vở/em |
| b | HS có thành tích nổi bật về môn học | 4 quyển vở/em |
| c | Thưởng HS hoàn cảnh khó khăn vượt khó trong học tập  | 4 quyển vở/em |
| d |  Thưởng cháu ngoan Bác Hồ ( Thưởng 3 quyển vở ôly + Giấy khen) | 3 quyển vở/em |

**\* Thưởng cá nhân HS đạt giải các kì thi giao lưu, các cuộc thi thể dục thể thao...**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức thưởng** |
| 1 | - HS đạt giải cấp trường:  | Giải Nhất: 7 quyển vởGiải Nhì: 6 quyển vởGiải Ba: 5 quyển vởGiải KK: 4 quyển vở |
| 2 | - HS đạt giải cấp thị xã:  | Giải Nhất: 120.000đ/emGiải Nhì: 100.000đ/emGiải Ba: 80.000đ/emGiải KK: 60.000đ/em |
| 3 | - HSG cấp tỉnh:  | Giải Nhất: 200.000đ/emGiải Nhì: 180.000đ/emGiải Ba: 150.000đ/emGiải KK: 120.000đ/em |
| 4 | - HSG cấp quốc gia | Huy chương vàng: 500.000đ/emHuy chương Bạc: 400.000đ/emHuy chương Đồng: 300.000đ/em |
| 5 | Thưởng học sinh gương người tốt, việc tốt, thưởng đột xuất. | - Tùy theo gương người tốt việc tốt, mức thưởng bằng hiện vật đồ dùng học tập từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng. |

**\* Thưởng cho tập thể lớp ( đội thi) đạt giải các cuộc thi về hoạt động ngoại khóa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức thưởng** |
| 1 | Cuộc thi tuyên truyền, giáo dục về An toàn giao thông, tìm hiểu lịch sử Việt Nam.( Cơ cấu: 01 giải Nhất; 1 giải Nhì; 1 giải Ba và giải thưởng dành cho khán giả) | **\* Giải đồng đội**Giải Nhất: 500.000 đồngGiải Nhì400.000 đồngGiải Ba: 300.000đồngGiải KK200.000đồng\* Giải cá nhận:Giải Nhất: 150.000 đồngGiải Nhì100.000 đồngGiải Ba: 80.000đồngGiải KK50.000đồng |
| 2 | Cuộc thi Hội khỏe Phù Đổng cấp trường( Cơ cấu: 1 giải Nhất; 1 giải Nhì; 2 giải Ba; 1 giải KK) |
| 3 | Cuộc thi Kế truyện Bác Hồ( Cơ cấu: 01 giải Nhất; 1 giải Nhì; 1 giải Ba) |
|  | Hoạt động ngoại khóa tổ chức ngày 26-3 về các trò chơi dân gian( Cơ cấu: 01 giải Nhất; 2 giải Nhì; 2 giải Ba; 2 giải KK) |
| 4 | Thi văn nghệ chào mừng ngày 20.11(Cơ cấu: Nhất – Nhì- Ba- KK)**\* Giải đồng đội****\* Giải cá nhận:** | Giải Nhất: 500.000 đồngGiải Nhì400.000 đồngGiải Ba: 300.000đồngGiải KK200.000đồngGiải Nhất: 100.000 đồngGiải Nhì80.000 đồngGiải Ba: 60.000đồngGiải KK50.000đồng |
| 5 | Thưởng cho học sinh sân chơi tìm hiểu về Ngày Tìm hiểu về ngày Quốc phòng toàn dân; Tìm hiểu ngày Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; chiến thắng Điện Biên Phủ; tìm hiểu về Bác Hồ nhân dịp sinh nhật Bác.. | - Thưởng đồ dùng học tập từ 20.000 đến 50.000đ/em/đợt. |
| 6 | Chi hoạt động ngày tổ chức trung thuHỗ trợ chi trung thu cho hoạt động chung của học sinh:  | Giải Nhất: 150.000 đồngGiải Nhì100.000 đồngGiải Ba: 80.000đồngGiải KK50.000đồng2.000.000 dồng |

 **\* Tặng quà học sinh nghèo, học sinh con chế độ chính sách**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | - Tặng quà khai giảng- Tặng quà Tết Trung thu- Tặng quà Tết Nguyên Đán | - Tặng quà từ 100.000 đến 200.000đ/em |

1. **Hỗ trợ học sinh trogng các cuộc thi :**Văn nghệ, dự thi, gao lưu, các hoạt động ngoại khóa như thuê trang phục, hỗ trợ nước uống hoa, quá, sinh hoạt cho học sinh, hỗ trợ tết trung thu cho học sinh:

 Mức chi : Căn cứ vào tìnhhình tổ chức và kinh phí trích lại quỹ hoạt động của Hội chamẹ học sinh chi cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

**4. Chi cho hoạt động của Ban đại diện CMHS:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Số tiền** |
| 1 | Thăm, viếng HS, thân nhân HS. | - Thăm HS ốm nặng bệnh hiểm nghèo: 200.000đ/em.-Viếng cha mẹ học sinh trong nhà trường mức chi: 1 vòng hoa và 300.000đ |
| 2 | Tặng lẵng hoa nhà trường các ngày lễ trong năm ( Khai giảng; Hội nghị CBVC; 20/10; 20/11; 8/3; sơ kết; tổng kết năm học) | - 500.000 đ/đợt |
| 3 | In ấn phục vụ các cuộc họp phụ huynh HS, văn bản gửi CMHS toàn trường trong năm | Chi theo thực tế, tiết kiệm chi |

*Quảng Yên, ngày 19 tháng 09 năm 2019*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CT CÔNG ĐOÀN** | **THƯ KÝ** | **HIỆU TRƯỞNG** |
| **Hoàng Thị Hằng** | **Lê Thị Thu Hương** | **Nguyễn Thị Phương Hoa** |
| ĐẠI DIỆN HỘI CHA MẸ HỌC SINH | BAN THANH TRA ND | **NGƯỜI LẬP** |
|  |  |  |

céng hßa x· héi chñ nghÜa viÖt nam

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**BIÊN BẢN**

**Kết thúc việc niêm yết công khai các khoản thu năm học 2019-2020**

**Thời gian:** Hồi 08 h00’ ngày 19 tháng 10 năm 2019

**Địa điểm:** Trường Tiểu học Nguyễn Bình

**Thành phần:**

1. Bà: Nguyễn Thị Phương Hoa - Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng;

2. Bà: Hoàng Thị Hằng - Phó hiệu trưởng - Chủ tịch Công đoàn;

3. Bà: Lê Thị Hiếu - Trưởng ban thanh tra nhân dân;

4. Bà: Trần Thị Hải - TTCM tổ 1-2-3

 5. Bà: Bùi Thị Thu Hảo - TTCM tổ 4-5

6. Bà: Lê Thị Thu Hương - Thư kí HĐ

7. Bà: Lê Thị Yên - Kế toán.

8. Ông: Nguyễn Đức Tíu -Trưởng ban ĐDCMHS

**Nội dung:**

-Công khai kết quả thẩm định số 572/TB-PGD ĐT ngày 18/09/2019 về việc thực hiện kế hoạch số 69/KH-THNB ngày 16/09/2019 của trường TH Nguyễn Bình các khoản thu năm học 2019-2020 căn cứ vào các công văn hướng dẫn sau:

Thực hiện công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020;

Thực hiện hướng dẫn liên ngành số 2356/HD-LN ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở GD&ĐT-Sở tài chính- Sở y tế- Bảo hiểm XH tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện công văn số 301/BXHX-BPT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Sở Bảo hiểm XH thị xã Quảng Yên;

- Quyết định số 3615/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2020; hướng dẫn số 55/SGDĐT – GDCN & DGTX ngày 07/01/2016 về việc hướng dẫn quản lý hoạt động giảng dạy ngoại ngữ của người nước ngoài tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh từ năm học 2015 – 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

* Thực hiện hướng dẫn số 1636/SGDĐT-GDTX ngày 14/7/2014 của SGD&ĐT và Quyết định số 2303/QĐ-SGD&ĐT ngày 07 tháng 09 năm 2017 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc tiếp tục cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa cho công ty TNHH Awaken.

- Thực hiện theo đề án “Chương trình giảng dạy Kỹ năng sống ngoài giờ lên lớp cho học sinh Tiểu học” của Trung tâm đào tạo Kỹ năng sống Awakenđã được Sở GD&ĐT Quảng Ninh phê duyệt.

Trường Tiểu học Nguyễn Bình tiến hành lập biên bản kết thúc việc niêm yết công khai các khoản thu năm học 2019-2020 với các nội dung như sau:

Thời gian bắt đầu công khai: Ngày 24 tháng 09 năm 2019

 Hình thức công khai: Niêm yết kết quả thẩm định số 600/TB-PGD ĐT ngày 24/09/2019 về việc thực hiện KH số 69/KH –THNB ngày 16/09/2019 (Bản chi tiết kế hoạch thu chi các khoản thu trong năm học 2018-2019)

 Đưa tin lên cổng thông tin điện tử của nhà trường

Trong thời gian công khai, trường Tiểu học Nguyễn Bình không tiếp nhận ý kiến kiến nghị, phản ánh nào liên quan đến việc thu chi các khoản thu năm học 2019 - 2020 đã được niêm yết tại bảng tin của nhà trường, trên trang điện tử và văn phòng nhà trường.

Biên bản lập xong hồi 10 h00’ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN** **BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN****Hoàng Thị Hằng**  |  **HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Thị Phương Hoa** |
| **ĐẠI DIỆN** **BAN THANH TRA NHÂN DÂN****Lê Thị Hiếu**  | **ĐẠI DIỆN PHỤ HUYNH HS** **TRƯỞNG BAN****Nguyễn Xuân Tíu****CÁC THÀNH VIÊN LIÊN QUAN** |